TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 48/2023/DS-ST**.**
Ngày: 16-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 và 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST–DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST – DS ngày 31/03/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở tại số: Tòa nhà T, Số B, đường T, phường T, quận H, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Trung Đ, Chức vụ: chuyên viên Phòng G trực thuộc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh S (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Khóm G, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng A, **s**inh năm 1960. (có mặt)

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1963. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 08/4/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần B – chi nhánh S- Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số HDTD883201900126 với ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T, theo đó Ngân hàng cho ông A, bà T vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm, thời hạn trả nợ gốc chia làm 10 kỳ, mỗi kỳ trả 15.000.000 đồng cố định vào ngày 15 mỗi 06 tháng, kỳ cuối trả hết số tiền gốc còn lại, trả lãi 03 tháng /lần với lãi suất 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi suất nợ lãi trả chậm là 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay trên ông A, bà T đã thế chấp Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số D0328498, tờ bản đồ 03, thửa số 631, có diện tích là 6.820 m^2 và thửa số 634 có diện tích là 5.260 m^2, mục đích sử dụng đất Mùa, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) do UBND huyện T cấp ngày 18/11/1994 cấp cho hộ Nguyễn Hoàng A theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC883201900126 ngày 08/04/2019.

Từ khi vay đến nay, bên ông A, bà T không thực hiện đúng hợp đồng và tính đến ngày 11/05/2023 còn nợ Ngân hàng số tiền là 239.088.349 đồng. Trong đó: gốc quá hạn là 184.945.113 đồng; Lãi trong hạn còn phải trả: 48.742.212 đồng; Lãi quá hạn phải trả: 5.401.024 đồng.

Tại phiên tòa, sau khi khởi kiện do phía bị đơn đã trả được 40.400.000 đồng nên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần khởi kiện đối với số tiền này và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T trả số tiền còn nợ là 239.088.349 đồng. Trong đó: gốc quá hạn là 184.945.113 đồng; Lãi trong hạn còn phải trả: 48.742.212 đồng; Lãi quá hạn phải trả: 5.401.024 đồng.

Trường hợp ông A và bà T không trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2/ Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là vợ chồng bà T, ông A có vay và còn nợ Ngân hàng số tiền 239.088.349 đồng, đồng thời có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Nay theo yêu cầu của Ngân hàng, bà T đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do tình hình dịch covid 19 cũng như mùa màng thất bát nên đề nghị Ngân hàng cho trả số lãi trước chia thành 03 kỳ và được tiếp tục thực hiện hợp đồng như đã ký kết với Ngân hàng.

3/ Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng A thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị T.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T trả cho nguyên đơn số nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đồng thời bị đơn có nơi cư trú ở Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần khởi kiện với số tiền là 40.400.000 đồng.

Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc thì thấy:

ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T có vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD883201900126 ngày 08/4/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông A và bà T đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 11/5/2023 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 239.088.349 đồng, trong đó nợ gốc là 184.945.113 đồng, nợ lãi trong hạn là 48.742.212 đồng, lãi quá hạn là 5.401.024 đồng.

Như vậy trên thực tế giữa Ngân hàng với ông A, bà T có giao kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền là 300.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay thì ông A và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi vay theo đúng cam kết.

Tại Tòa, Ngân hàng yêu cầu ông A và bà T trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ gốc là 184.945.113 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Tại Tòa, Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất trong hạn theo hợp đồng vay vốn trên số tiền vốn vay theo mức lãi suất 12,5%/năm cho đến khi trả xong số tiền vốn vay. Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, cụ thể số tiền lãi tính đến hết ngày 11/05/2023 lãi trong hạn còn phải trả: 48.742.212 đồng; Lãi quá hạn phải trả: 5.401.024 đồng. Số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền vốn vay, tiền lãi vay ông A, bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là là 239.088.349 đồng, trong đó nợ gốc là 184.945.113 đồng, nợ lãi trong hạn là 48.742.212 đồng, lãi quá hạn là 5.401.024 đồng.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC883201900126 ngày 08/04/2019 được ký kết giữa Ngân hàng và ông A, bà T thì bị đơn đã thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số D0328498, tờ bản đồ 03, thửa số 631, diện tích là 6.820 m^2 và thửa số 634 có diện tích là 5.260 m^2 , mục đích sử dụng đất Mùa, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) do UBND huyện T cấp ngày 18/11/1994 cấp cho hộ Nguyễn Hoàng A, về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và việc thế chấp có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên Hợp đồng trên có giá trị pháp lý và và hiệu lực thi hành. Nay Ngân hàng yêu cầu, nếu ông A, bà T không có khả năng thanh toán nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm

quyền phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông A, bà T phải chịu là 900.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do phía nguyên đơn Ngân hàng đã tạm nộp nên phía bị đơn ông A, bà T phải trả lại số tiền này cho phía nguyên đơn.

[4] Phía bị đơn yêu cầu được trả thành nhiều kỳ trong năm và được tiếp tục trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tuy nhiên phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên vấn đề này sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Ông A và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông A và bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các bị đơn theo đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 157; khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 318; Điều 325; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 40.400.000 đồng

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền vốn và lãi vay là 239.088.349 đồng (Trong đó nợ

gốc là 184.945.113 đồng, nợ lãi trong hạn là 48.742.212 đồng, lãi quá hạn là 5.401.024 đồng).

Kể từ ngày 11/5/2023, ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP B có đơn yêu cầu thi hành án nếu phía bị đơn ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thế chấp Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số D0328498, tờ bản đồ 03, thửa số 631, diện tích là 6.820 m^2 và thửa số 634 có diện tích là 5.260 m^2 , mục đích sử dụng đất Mùa tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) do UBND huyện T cấp ngày 18/11/1994 cấp cho hộ Nguyễn Hoàng A theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC883201900126 ngày 08/04/2019 để Ngân hàng thu hồi nợ.

3/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông A và bà T trả Ngân hàng TMCP B số tiền là 900.000 đồng.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.248.000 đồng theo biên lai thu số 0002707 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Phương